TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 21 /2019/DSST
Ngày 12/6/2019
V/V: Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thiện Lợi và bà Lê Thị Sinh Chi.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tỉnh Thái Bình:

Bà Đặng Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 17/2019/TLST – HNGĐ ngày 04/01/2019 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19A/2019/QĐXX – ST ngày 03/5/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Thanh Huyền T - Sinh năm 1989 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Số nhà 204, đường T, tổ 41, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh Trần Trường L - Sinh năm 1988 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Số nhà 05, ngõ 04/133, đường L, tổ 23, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của chị T trình bày: Chị T kết hôn với anh L từ ngày 22/11/2010 có đăng ký kết hôn tại UBND phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 05 năm thì mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, giữa vợ chồng có xảy ra đánh cãi nhau. Vợ chồng đã tự giải quyết với nhau nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân được 2 năm mỗi người sống một nơi không liên lạc quan tâm

đến nhau, nay xét thấy vợ chồng không còn tình cảm không thể tiếp tục chung sống nên chị T đề nghị xin ly hôn anh L.

2. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trần Minh K, sinh ngày 25/12/2010 và Trần Ngọc Minh C, sinh ngày 17/12/2012. Hiện nay cả hai con chung đang sống với chị T. Ly hôn,chị T đề nghị nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân chị T có mang thai. Chị T cho rằng chị T không mang thai với anh L, con chưa sinh ra nên không đề nghị giải quyết.

3 . Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Trường L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng không đến Tòa án. Tại biên bản xác minh thể hiện: Vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn có mâu thuẫn xảy ra. Chị T vắng mặt tại địa phương khoảng 2 năm còn anh L vẫn cư trú tại địa phương.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình:

1. Về tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền và thụ lý vụ án; thực hiện đầy đủ các thủ tục cấp, tống đạt các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn chuẩn bị xét xử được thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử: Về thành phần tham gia xét xử và việc tiến hành thủ tục tố tụng tại phiên tòa được thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình:

- Về hôn nhân: Đề nghị Tòa án xử cho chị Bùi Thị Thanh Huyền T được ly hôn anh Trần Trường L.

- Về con chung: Đề nghị Tòa án giao hai con chung Trần Minh K, sinh ngày 25/12/2010 và Trần Ngọc Minh C, sinh ngày 17/12/2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho các con chung.

- Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu, anh L không có bản tự khai, không trình bày quan điểm tại Tòa án nên không giải quyết về tài sản trong vụ án này.

- Về án phí: Chị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

- Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh L không có mặt tại phiên tòa. Chị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Tòa án căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị T kết hôn với anh L trên cơ sở tự nguyện từ có đăng ký kết hôn ngày 22/11/2010 tại UBND phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống.Vợ chồng có xảy ra đánh cãi nhau.Vợ chồng đã sống ly thân được khoảng 2 năm không liên lạc quan tâm đến nhau. Nay chị T có đơn xin ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, ly thân kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được nên xử cho chị T được ly hôn với anh L.

[3]Về con chung: Xét thấy các con chung đang được chị T nuôi dưỡng ổn định, chị T có nguyện vọng xin được nuôi cả hai con. Nguyện vọng của con xin sống với mẹ nên giao cả hai con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét việc chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận. Anh L có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Chị T , anh L đều có quyền yêu cầu thay đổi nuôi các con chung và yêu cầu cấp dưỡng cho các con chung theo quy định của pháp luật. Hiện nay chị T đang có thai con chưa được sinh ra nên chưa có cơ sở giải quyết. Sau khi con được sinh ra sẽ được giải quyết bằng vụ án khác nếu có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh L không có bản tự khai, không trình bày quan điểm nên không đặt ra giải quyết về tài sản trong vụ án này.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51; 56; 81;82; 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

1/ Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Thanh Huyền T được ly hôn với anh Trần Trường L.

2/ Về con chung: Xử giao cả hai con chung là Trần Minh K, sinh ngày 25/12/2010 và Trần Ngọc Minh C, sinh ngày 17/12/2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng . Chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi các con chung. Chị T , anh L đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Anh L có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Đối với việc chị T đang có thai, con chưa được sinh ra nên chưa có cơ sở giải quyết.

3/ Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

4/ Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Chuyển số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0007405 ngày 04/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình sang thành án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
-VKSND tp Thái Bình;
-Đương sự;
-UBND phường Bồ Xuyên;
-Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Mạnh